TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Trần Thị Kim Đồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hồng Tiếm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Từ Thị Cẩm H1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chổ ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày và yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Từ Thị Cẩm H1 xây dựng hôn nhân từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/4/2008. Sau khi kết hôn, chúng tôi sinh sống tại nhà của tôi tại ấp M, xã T,

huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng tháng 5/2009 chuyển về ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh sinh sống. Hiện nay chị Từ Thị Cẩm H1 đang sống tại địa chỉ ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẩn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay tôi khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Từ Thị Cẩm H1.

- Về con chung: Tôi và chị H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/02/2009 hiện đang sống cùng với chị H1 tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao con cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/5/2024, bị đơn Từ Thị Cẩm H1 trình bày:* Quá trình tạo lập hôn nhân, con chung như đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở nhà của anh H, đến đầu năm 2009 chuyển về ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh ở cho đến nay. Tôi đồng ý việc anh H yêu cầu Tòa án huyện T giải quyết vụ án. Nay theo yêu cầu khởi kiện của anh H thì tôi tôi có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với anh H;

Về con chung: Tôi đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh H được ly hôn với chị H1; về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/02/2009 cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000đ đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Từ Thị Cẩm H1; chị H1 hiện đang cư trú tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh và có ý kiến đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn giải quyết vụ án. Do đó, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H, bị đơn Từ Thị Cẩm H1 đều có yêu cầu xin vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Từ Thị Cẩm H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 28/4/2008 nên hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Anh Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Từ Thị Cẩm H1 và được chị Từ Thị Cẩm H1 đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị H1.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị H1 thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/02/2009 hiện đang sống cùng với chị H1 tại địa chỉ ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Anh H đồng ý giao con chung cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và được chị H1 đồng ý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/02/2009 cho chị Từ Thị Cẩm H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi là tự nguyện, phù hợp với lợi ích của cháu T nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, cộng chung là 600.000đ.

[2.5] Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Từ Thị Cẩm H1.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/02/2009 cho chị Từ Thị Cẩm H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 600.000đ tiền án phí sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011160 ngày 14/3/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh Nguyễn Thanh H còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn
(Giấy CNKH số 42, ngày 28/04/2008)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Luân